

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 8 - 2023
Về việc “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.
2. Ông Hồ Minh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hà Thị P**, sinh năm 1982. (*xin vắng mặt*)
Địa chỉ: Khu vực X, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Ngô Văn S**, sinh năm 1979. (*vắng mặt*)
Địa chỉ: Khu vực X, phường L, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị P trình bày:**

Vào năm 1999, sau một thời gian tìm hiểu, bà và ông Ngô Văn S đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới Long ngày 02/11/2004. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Ngô Văn Hai M (nam, sinh ngày 10/10/2004) và Ngô Quốc H (nam, sinh ngày 24/8/2008). Trong thời gian chung sống, giữa bà và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, vợ chồng thường hay lục đục, cãi vã nhau do ông S cờ bạc và tụ tập bạn bè để nhậu, không phụ giúp gia đình và đôi khi say xỉn cũng có đánh bà. Mâu thuẫn

ngày càng nghiêm trọng hơn trong thời gian khoảng 05 năm nay. Bà đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Do đó, bà yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông S nhiều lần vắng mặt không có lý do; bà P có đơn xin vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Bà Hà Thị P có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn ông Ngô Văn S vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Hà Thị P và ông Ngô Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, bà P khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chưa thành niên nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà Hà Thị P có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Ngô Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà P và ông S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2004. Bà P cho rằng vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông S không quan tâm lo lắng cho gia đình mà thường hay cờ bạc và tụ tập bạn bè để nhậu, lúc say xỉn ông S đôi khi có đánh bà nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Khoảng 05 năm nay, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và không giải quyết được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông S đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa nhưng phía ông S nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tại Đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 22/6/2023, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Như vậy, cho đến nay mâu thuẫn giữa bà P và ông S vẫn không giải quyết được. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông S là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà P và ông S có 02 con chung là cháu Ngô Văn Hai M (nam, sinh ngày 10/10/2004) và cháu Ngô Quốc H (nam, sinh ngày 24/8/2008). Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H đến trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu H đang sống chung với ông S. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 22/6/2023, cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà P.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*”

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho bà P nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp với quy định nêu trên và cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu Ngô Văn Hai M (nam, sinh ngày 10/10/2004) đã trưởng thành và bà P không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P cho rằng quá trình chung sống bà và ông S không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do ông S vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử tách giải quyết thành vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị P được ly hôn với ông Ngô Văn S.

2/ Về con chung: Giao cháu Ngô Quốc H (nam, sinh ngày 24/8/2008) cho bà Hà Thị P nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông Ngô Văn S không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu H có nguyện vọng được sống chung với bà P.

Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

Đối với cháu Ngô Văn Hai M (nam, sinh ngày 10/10/2004) đã trưởng thành, bà P không có yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Tách giải quyết thành vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Bà Hà Thị P phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003637 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Thới Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

